

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số: 16/2021/HS-ST

Ngày: 13-4-2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH NAM ĐỊNH

**- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thúy Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ngọc Phán;

Ông Đỗ Việt Hùng.

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Én- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2021/TLST- HS ngày 10 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định xét xử số 15/2021/QĐXXST- HS ngày 31 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

**Phạm Minh T**, sinh năm 1996, tên gọi khác: Không. Nơi sinh và nơi cư trú: Thôn Tr, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông: Phạm Văn M, sinh năm 1976 và con bà Hà Thị Thu H (đã chết); gia đình có 02 chị em, bị cáo là thứ hai; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23-12-2020 đến ngày 29-12-2020 thì chuyển tạm giam cho đến nay “có mặt”.

**\* Bị hại:** Anh Nguyễn Văn Th1, sinh năm 1992; địa chỉ: xóm C, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

**\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Văn Th2, sinh năm 1992; địa chỉ: xóm C, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định

**\*Người làm chứng:**

1. Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn Ô M1, xã T, huyện V tỉnh Thái Bình.

2. Anh Nguyễn Văn Th3 sinh năm 1986; địa chỉ: xóm C, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

3. Bà Phạm Thị M, sinh năm 1960; địa chỉ: xóm C, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt bị cáo; vắng mặt: anh Th1, bà M, anh Th2, anh Th3.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết nên từ ngày 14-10-2020, Phạm Minh T nhận hợp đồng làm thuê ốp đá xẻ công trình xây dựng nhà ở cho anh Nguyễn Văn Th3 ở xóm C, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định là chủ thầu xây dựng. Trong thời gian làm thuê, T có ở nhà của mẹ đẻ anh Th3 là bà Phạm Thị M ở xóm C, xã H, huyện H, cùng với anh Nguyễn Văn Th1 em trai anh Th3. Do không có phương tiện đi lại nên T thường xuyên mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, BKS 18H1 - 567.58 của anh Nguyễn Văn Th1 là em trai của Th3 để đi lại. Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, BKS 18H1 - 567.58 là của anh Nguyễn Văn Th2 là anh trai của anh Th1 và là em trai anh Th3. Thời gian T ở nhà bà M thì anh Th2 thường xuyên đi làm trên Hà Nội nhưng anh Th2 có giao xe mô tô và chìa khóa xe của mình cho anh Nguyễn Văn Th1 là em trai quản lý, sử dụng. Ngày 01-11-2020, do không có nhu cầu thuê người làm nữa nên anh Th3 đã thanh lý hợp đồng với T. Khoảng 15 giờ cùng ngày, T hỏi anh Th1 để mượn chiếc xe mô tô Yamaha Exciter, BKS 18H1 - 567.58 để đi về nhà, hẹn ngày hôm sau sẽ trả, anh Th1 đồng ý. Sau đó T điều khiển xe đi về tỉnh Thái Bình. T đi đến khu vực huyện V, tỉnh Thái Bình, do không có tiền ăn tiêu và biết trong cốp xe có giấy đăng ký xe nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe trên, mang đi cầm cố lấy tiền. Khoảng 20 giờ cùng ngày, T mang chiếc xe mô tô mượn của anh Th1 đến cửa hàng cầm đồ “Ngọc Sơn” do chị Nguyễn Thị N ở thôn Ô M 1, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình làm chủ. T nói với chị N “đây là xe của em mới mua, do cần tiền muốn cầm cố lấy 10.000.000đ”. Chị N có quen biết với gia đình T và không biết xe T mang đến cầm cố là đi mượn mà có nên đã đồng ý cầm cố xe với số tiền 10.000.000đ. Sau khi nhận được tiền, T đi lên thành phố Hà Nội ăn tiêu hết. Đến ngày 23-12-2020, T đến Công an huyện H đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 49/KL-HĐĐG ngày 25-12-2020, Hội đồng định giá tài sản huyện Hải Hậu kết luận: Chiếc xe mô tô BKS 18H1 - 567.58 trị giá 25.000.000đ. Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho bị hại. Sau khi nhận lại tài sản, anh Nguyễn Văn Th1 không yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

Cáo trạng số 14/CT-VKS-HH ngày 09-3-2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố Phạm Minh T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo thành khẩn khai nhận đã thực hiện hành vi đúng như nội dung vụ án đã nêu trên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều

175, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Minh T từ 18 tháng đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23-12-2020. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Tranh luận tại phiên tòa: Kiểm sát viên, bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa bị hại, người có quyền mọi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng vắng mặt. Tuy nhiên hồ sơ vụ án thể hiện đầy đủ lời khai của họ trong quá trình điều tra. Việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do đó căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Minh T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 01-11-2020, Phạm Minh T mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, BKS 18H1 - 567.58 trị giá 25.000.000đ của anh Nguyễn Văn Th1 để đi về nhà và hẹn ngày hôm sau sẽ trả thì anh Th1 đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe đi về tỉnh Thái Bình thì nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe của anh Th1 nên đã mang đi cầm cố tại cửa hàng cầm đồ “Ngọc Sơn” tại xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình lấy số tiền 10.000.000đ. Sau đó T bỏ trốn lên thành phố Hà Nội sử dụng số tiền 10.000.000đ ăn tiêu hết, đến ngày 23-12-2020 T đến cơ quan Công an huyện H đầu thú. Do đó, hành vi nêu trên của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo nhận thức rõ hành vi vi phạm của mình là lỗi cố ý, hành vi đó không những đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an xã hội,

gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian tương xứng với mức độ hành vi phạm tội, để đảm bảo mục đích của hình phạt nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy: Trong vụ án này, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo Phạm Minh T chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Khi hành vi phạm tội bị phát hiện, bị cáo đã ra đầu thú và khai nhận toàn bộ sự việc nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Từ những phân tích nêu trên và xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần xem xét ấn định cho bị cáo mức hình phạt phù hợp như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bản thân bị cáo làm nghề tự do, chưa có vợ con, tài sản bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi và trả lại cho bị hại nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Phạm Minh T chiếm đoạt chiếc xe mô tô BKS 18H1-567.58 của anh Nguyễn Văn Th2 nhưng đang giao cho em trai là anh Nguyễn Văn Th1 quản lý, sử dụng, T mượn đem đi cầm cố lấy tiền ăn tiêu. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu hồi lại được chiếc xe và trả lại cho anh Nguyễn Văn Th1. Sau khi nhận lại tài sản, anh Th1, anh Th2 không có yêu cầu thêm gì về phần dân sự. Đối với số tiền 10.000.000đ của chị Nguyễn Thị N đã cầm cố chiếc xe mô tô BKS 18H1 - 567.58 của T nhưng chị N không yêu cầu T phải hoàn trả lại. Do đó, về trách nhiệm dân sự trong vụ án, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[8] Đối với chị Nguyễn Thị N nhận cầm đồ chiếc xe mô tô BKS 18H1 - 567.58 nhưng chị N không biết do T phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý bằng pháp luật.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Minh T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Phạm Minh T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo Phạm Minh T 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23-12-2020.

2. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Phạm Minh T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở tư pháp tỉnh Nam Định;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Phạm Thúy Nga**